

HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM



ĐẠNG THÀNH THỨC

**PHÁT TRIỂN DU LỊCH LÀNG NGHỀ PHÍA ĐÔNG
TỈNH GIA LAI**

Ngành: Kinh tế phát triển

Mã số : 9.31.01.05

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NHÀ XUẤT BẢN HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP - 2026

Công trình được hoàn thành tại:

HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Hiền**

Phản biện 1: GS. TS. Lê Quốc Hội
Đại học Kinh tế Quốc dân

Phản biện 2: PGS. TS. Hồ Ngọc Ninh
Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Phản biện 3: PGS. TS. Nguyễn Thị Xuân Hương
Trường Đại học Lâm nghiệp

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện
hợp tại:

Học viện Nông nghiệp Việt Nam
Vào hồi giờ ngày tháng năm 2026

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Thư viện Học viện Nông nghiệp Việt Nam

PHẦN 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

1.1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

Hiện nay, du lịch là một trong những ngành kinh tế có tốc độ tăng trưởng nhanh và khả năng tạo việc làm lớn trên phạm vi toàn cầu. Theo WTTC (2019), ngành du lịch và lữ hành đóng góp khoảng 10,4% GDP thế giới năm 2018 và tạo sinh kế trực tiếp cho hơn 319 triệu việc làm tương đương khoảng 10% tổng số việc làm toàn cầu. Xu hướng phục hồi du lịch toàn cầu sau đại dịch COVID-19 gắn liền với sự thay đổi nhu cầu của du khách theo hướng tìm kiếm trải nghiệm bản địa, văn hóa và cộng đồng, mở ra cơ hội cho du lịch làng nghề (UNWTO, 2022). Thực tiễn quốc tế cho thấy phong trào "Một làng một sản phẩm" (One Village One Product - OVOP) tại Nhật Bản và mô hình One Tambon One Product (OTOP) của Thái Lan đã khai thác hiệu quả giá trị làng nghề truyền thống để phát triển du lịch, nâng cao thu nhập cho cộng đồng dân cư. Tại Việt Nam, phát triển du lịch làng nghề (PTDLLN) ngày càng được quan tâm trong hệ thống chính sách phát triển du lịch và xây dựng nông thôn mới, thể hiện qua Quyết định số 801/QĐ-TTg (2022) về bảo tồn và phát triển làng nghề gắn với du lịch, Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030, Nghị quyết số 08-NQ/TW, và được cụ thể hóa tại địa phương qua Kế hoạch số 69/KH-UBND (2025) của UBND tỉnh Bình Định, xác định du lịch làng nghề là dòng sản phẩm trọng tâm cần đầu tư.

Phía Đông tỉnh Gia Lai là tỉnh Bình Định trước điều chỉnh sáp nhập vào tỉnh Gia Lai theo Nghị quyết 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025, sở hữu nhiều làng nghề có giá trị văn hóa đặc sắc như nón ngựa Phú Gia, rượu Bàu Đá, tiện gỗ mỹ nghệ Nhơn Hậu và dệt chiếu cói Chương Hòa. Một số làng nghề đã được đưa vào các chương trình tham quan khởi hành từ thành phố Quy Nhơn và bước đầu thu hút khách du lịch trong và ngoài nước. Tuy nhiên, kết quả khai thác du lịch hiện vẫn chưa tương xứng với tiềm năng. Năm 2024, tỉnh Bình Định đón hơn 9,2 triệu lượt khách với tổng doanh thu du lịch đạt khoảng 25.500 tỷ đồng, tăng 83,9% về lượng khách và 55,4% về doanh thu so với năm 2023; tuy nhiên năm 2022 doanh thu của 42 làng nghề đang tham gia hoạt động du lịch chỉ đạt khoảng 618 tỷ đồng, trong khi thu nhập bình quân của lao động làng nghề chỉ khoảng 3,5 triệu đồng/người/tháng, một con số khá khiêm tốn so với quy mô của ngành du lịch địa phương, cho thấy tiềm năng tài nguyên và hiệu quả khai thác trên

thực tế chưa tương xứng. Xuất phát từ những vấn đề trên, nghiên cứu “Phát triển du lịch làng nghề phía Đông tỉnh Gia Lai” được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng, phân tích các yếu tố ảnh hưởng và đề xuất giải pháp phát triển DLLN phù hợp với điều kiện của địa bàn nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu không chỉ bổ sung thêm cơ sở tham khảo cho nghiên cứu DLLN ở cấp địa phương mà còn cung cấp căn cứ thực tiễn cho quá trình hoạch định chính sách và tổ chức phát triển du lịch làng nghề tại phía Đông tỉnh Gia Lai trong thời gian tới.

1.2. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

1.2.1. Mục tiêu chung

Trên cơ sở đánh giá thực trạng và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch làng nghề phía Đông tỉnh Gia Lai (địa bàn tỉnh Bình Định trước khi điều chỉnh đơn vị hành chính), từ đó đề xuất giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển du lịch làng nghề trên địa bàn trong thời gian tới.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể

i) Hệ thống hóa và làm rõ cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn về PTDLLN; ii) Đánh giá thực trạng PTDLLN phía Đông tỉnh Gia Lai; iii) Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến PTDLLN phía Đông tỉnh Gia Lai; iv) Đề xuất định hướng và các giải pháp PTDLLN phía Đông tỉnh Gia Lai trong thời gian tới.

1.3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

1.3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: là những vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển du lịch làng nghề.

Đối tượng khảo sát: Các chủ thể liên quan trực tiếp và gián tiếp đến phát triển du lịch làng nghề, bao gồm: cơ quan quản lý nhà nước; doanh nghiệp/đơn vị lữ hành - dịch vụ; tổ chức/HTX; hộ sản xuất và nghệ nhân tại làng nghề; cộng đồng địa phương; khách du lịch; nhà đầu tư và các bên liên quan.

1.3.2. Phạm vi nghiên cứu

- **Phạm vi nội dung:** Nghiên cứu tập trung đánh giá thực trạng phát triển du lịch làng nghề phía Đông tỉnh Gia Lai, phân tích các yếu tố tác động đến PTDLLN, từ đó đề xuất các nhóm giải pháp chiến lược nhằm nâng cao hiệu quả khai thác du lịch làng nghề phía Đông tỉnh Gia Lai theo hướng bền vững, góp phần chuyển đổi từ mô hình sản xuất truyền thống sang tích hợp du lịch, tạo động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội địa phương.

- **Phạm vi thời gian:** Số liệu thứ cấp được tác giả thu thập trong giai đoạn 2019 - 2024. Số liệu điều tra sơ cấp được thu thập năm 2024.

- **Phạm vi không gian:** Nghiên cứu thực hiện khảo sát tại khu vực tỉnh Bình Định trước khi sáp nhập vào tỉnh Gia Lai, luận án gọi là phía Đông tỉnh Gia Lai; các trích dẫn nguồn văn bản thứ cấp được giữ tên tại thời điểm ban hành; thực hiện khảo sát tại 08 làng nghề đặc trưng của khu vực. Cách tiếp cận này nhằm đảm bảo tính nhất quán của số liệu và phản ánh đúng bối cảnh kinh tế – xã hội tại thời điểm khảo sát.

1.3.3. Câu hỏi nghiên cứu

Nhằm đạt được các mục tiêu đã đề ra, nghiên cứu sẽ tập trung trả lời những câu hỏi sau: i). Khái niệm, khung lý thuyết và khung phân tích nào phù hợp để nghiên cứu PTDLLN cấp tỉnh/vùng?; ii). Thực trạng PTDLLN phía Đông tỉnh Gia Lai hiện nay như thế nào; kết quả đạt được, hạn chế ra sao?; iii). Những yếu tố nào ảnh hưởng đến PTDLLN phía Đông tỉnh Gia Lai và mức độ tác động của từng yếu tố ra sao?; iv). Những giải pháp nào rút ra từ kết quả nghiên cứu để PTDLLN phía Đông tỉnh Gia Lai?

1.4. NHỮNG ĐÓNG GÓP MỚI CỦA ĐỀ TÀI

+ Về lý luận: Luận án đã làm rõ nội hàm khái niệm “phát triển du lịch làng nghề” theo hướng tích hợp sản xuất - dịch vụ - chuỗi giá trị; bổ sung cách tiếp cận về phát triển du lịch làng nghề “sản xuất kép”, trong đó không gian sản xuất và không gian trải nghiệm được xem là hai thành tố cung tồn tại và đồng thời tạo lập giá trị cho điểm đến. Trên cơ sở đó, luận án làm rõ cơ chế tác động có tính thứ bậc giữa các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch làng nghề, cho thấy hiệu quả của các nguồn lực như: nguồn nhân lực, sản phẩm du lịch và sự tham gia của cộng đồng chỉ được phát huy khi các điều kiện nền tảng, đặc biệt là hạ tầng và môi trường, được bảo đảm. Kết quả này góp phần bổ sung cơ sở lý luận về phát triển du lịch làng nghề theo hướng tiếp cận chuỗi giá trị và mở rộng cách lý giải mối quan hệ giữa các yếu tố ảnh hưởng trong bối cảnh các điểm đến đang chuyển đổi.

+ Về thực tiễn: Luận án đã đánh giá toàn diện thực trạng phát triển du lịch làng nghề tại khu vực phía Đông tỉnh Gia Lai, chỉ ra khoảng cách giữa tiềm năng tài nguyên và năng lực khai thác du lịch, đồng thời lượng hóa mức độ ảnh hưởng của bảy nhóm yếu tố đến phát triển du lịch làng nghề bằng phương pháp phân

tích định lượng. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu thực nghiệm, luận án đề xuất hệ thống giải pháp và kiến nghị chính sách theo thứ tự ưu tiên, phù hợp với điều kiện phát triển của địa phương, góp phần nâng cao hiệu quả khai thác giá trị làng nghề gắn với bảo tồn văn hóa và phát triển du lịch bền vững.

1.5. Ý NGHĨA KHOA HỌC VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI

1.5.1. Ý nghĩa khoa học

Nghiên cứu đã hệ thống hóa, vận dụng và bổ sung vào lý luận kinh tế phát triển về PTDLLN với những luận điểm và cách tiếp cận mới. Cơ sở lý thuyết này là tài liệu tham khảo mang tính học thuật, hữu ích cho các nhà nghiên cứu về du lịch, phát triển du lịch. Sản phẩm của đề tài gồm báo cáo luận án và các bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành đã góp phần bổ sung, làm phong phú thêm tài liệu tham khảo cho lĩnh vực kinh tế phát triển và du lịch tại các trường đại học, viện nghiên cứu, phục vụ giảng dạy và nghiên cứu.

1.5.2. Ý nghĩa thực tiễn

Đề tài là một trong những nghiên cứu đầu tiên về phát triển du lịch làng nghề tại khu vực phía Đông tỉnh Gia Lai, nên có thể trở thành cơ sở thực tiễn để các địa phương có điều kiện tương đồng trong cả nước nghiên cứu, tham khảo. Luận án cũng là kênh tham khảo cho các Bộ, ban ngành, nhất là UBND tỉnh Gia Lai, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Gia Lai trong việc hoạch định chính sách và ban hành giải pháp thúc đẩy phát triển du lịch làng nghề trên địa bàn thời gian tới. Hướng nghiên cứu và kết quả nghiên cứu của đề tài là tài liệu bổ ích phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy và học tập trong lĩnh vực kinh tế phát triển, quản trị và du lịch. Kết quả nghiên cứu sẽ giúp các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân vận dụng các nhóm giải pháp để phát triển du lịch làng nghề một cách hiệu quả trong thời gian tới.

PHẦN 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH LÀNG NGHỀ

2.1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH LÀNG NGHỀ

2.1.1. Một số khái niệm cơ bản về du lịch

Theo điều 3, Luật du lịch năm 2017, “*du lịch là các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên trong thời gian không quá 01 năm liên tục nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, nghỉ*

duyệt, giải trí, tìm hiểu, khám phá tài nguyên du lịch hoặc kết hợp với mục đích hợp pháp khác”.

Trên cơ sở kế thừa các khái niệm về phát triển du lịch, phát triển làng nghề, du lịch làng nghề và PTDLLN của các tác giả trong và ngoài nước. Trong luận án này, tác giả đề xuất khái niệm PTDLLN như sau: *“Phát triển du lịch làng nghề là quá trình quy hoạch, tổ chức và điều phối các hoạt động du lịch dựa trên không gian văn hoá và hoạt động nghề của làng nghề, nhằm hình thành và nâng cấp sản phẩm du lịch làng nghề; thu hút du khách tham quan – trải nghiệm - tiêu dùng, gia tăng giá trị tại điểm đến, đồng thời bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá, tri thức nghề và bản sắc cộng đồng. Quá trình này bao gồm phát triển hạ tầng - dịch vụ, chuẩn hoá chất lượng và nhân lực, tăng cường liên kết chuỗi giá trị, xúc tiến - thương hiệu - chuyển đổi số, gắn với bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn và cơ chế tham gia - chia sẻ lợi ích minh bạch, hướng tới hiệu quả và phát triển bền vững”.*

2.1.2. Vai trò của phát triển du lịch làng nghề

Phát triển du lịch làng nghề có vai trò đa chiều, bao gồm tạo việc làm, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, đồng thời nâng cao đời sống người dân, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

2.1.3. Nội dung nghiên cứu phát triển du lịch làng nghề

i) Quy hoạch và tổ chức không gian PTDLLN; ii) Phát triển sản phẩm và thị trường DLLN; iii) Huy động và phát triển nguồn lực đầu tư cho DLLN; iv) Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực DLLN; v) Tăng cường liên kết trong PTDLLN; vi) Xúc tiến quảng bá và xây dựng thương hiệu DLLN.

2.1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch làng nghề

Các yếu tố ảnh hưởng đến PTDLLN bao gồm: (i) Sản phẩm du lịch làng nghề; (ii) Nguồn nhân lực du lịch làng nghề; (iii) Cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch làng nghề; (iv) Sự tham gia của cộng đồng; (v) An toàn và an ninh tại làng nghề du lịch; (vi) Vệ sinh môi trường tại làng nghề du lịch; (vii) Thể chế, chính sách phát triển du lịch làng nghề.

2.2. CƠ SỞ THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH LÀNG NGHỀ

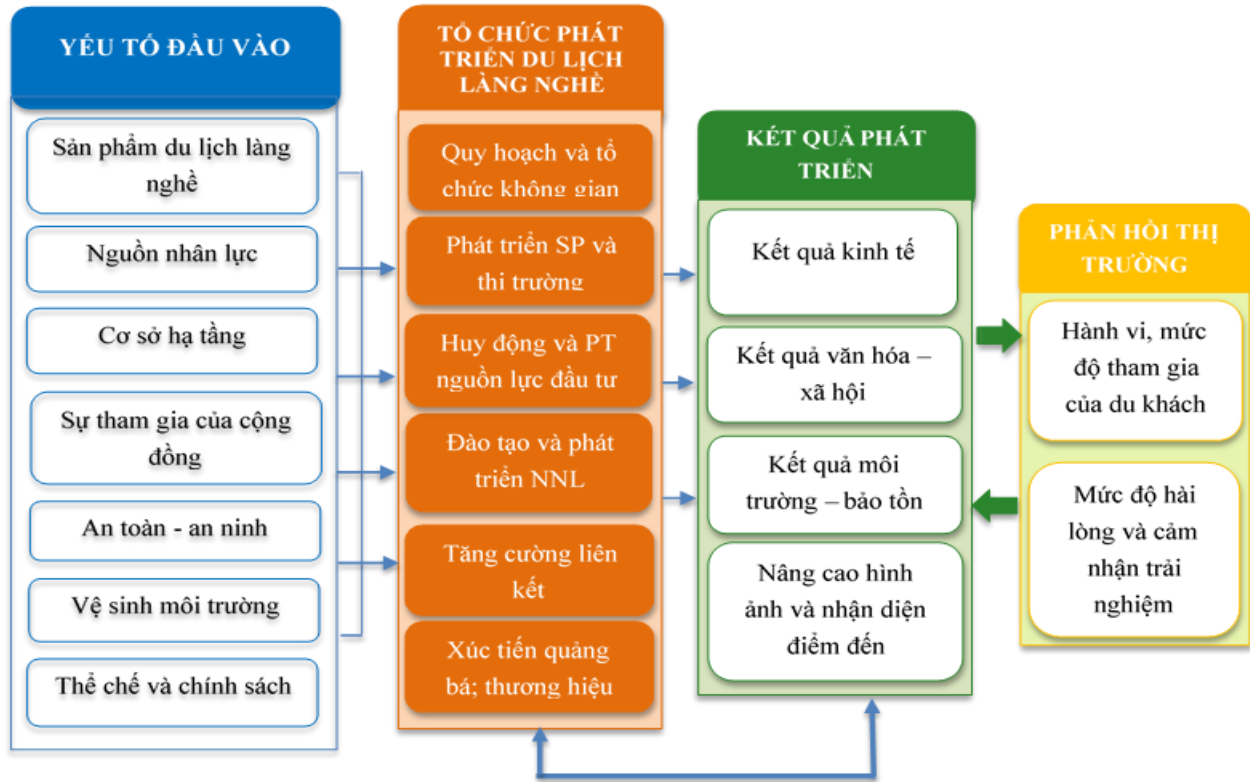
Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm PTDLLN cấp tỉnh một số quốc gia trên thế giới (Chiang Mai- Thái Lan, Oita- Nhật Bản, Quý Châu,...-Trung Quốc)

và kinh nghiệm phát triển du lịch làng nghề ở một số địa phương của Việt Nam (Hội An, Bình Dương, Hưng Yên, Trà Vinh, Đồng Tháp) tác giả rút ra 5 bài học kinh nghiệm phát triển du lịch làng nghề phía Đông tỉnh Gia Lai như sau: (i) Gắn bảo tồn văn hóa và nghề truyền thống với khai thác du lịch bền vững; (ii) Chuyển từ tư duy bán sản phẩm sang tổ chức trải nghiệm du lịch hoàn chỉnh; (iii) Quy hoạch không gian và đầu tư hạ tầng ; (iv) Huy động sự tham gia của nhiều chủ thể trên cơ sở cơ chế quản trị thống nhất; (v) Liên kết thị trường và xây dựng thương hiệu điểm đến.

PHẦN 3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN VÀ KHUNG PHÂN TÍCH

Đề tài sử dụng các phương pháp tiếp cận gồm: tiếp cận có sự tham gia, tiếp cận hệ thống và liên ngành. Tác giả thực hiện nghiên cứu theo khung phân tích được trình bày ở Hình 3.1.



Hình 3.1. Khung phân tích của luận án

3.2. CHỌN ĐIỂM NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được thực hiện 08 làng nghề tiêu biểu được lựa chọn bao gồm: Làng nghề truyền thống Rượu Bàu Đá, làng nghề truyền thống tiện gỗ mỹ nghệ

Nhon Hậu, làng nghề truyền thống chằm Nón ngựa Phú Gia, làng nghề trồng mai cảnh Háo Đức, làng nghề bí đao khổng lồ Mỹ Thọ, làng nghề dệt chiếu cói Chương Hòa, làng nghề đan tre Mỹ Tài, và làng nghề sản xuất bánh tráng, bún số 8 Tăng Long 1.

Tác giả luận án chọn ngẫu nhiên khách du lịch, cộng đồng địa phương, hộ kinh doanh/doanh nghiệp cùng đại diện cán bộ, chuyên viên tại 8 điểm du lịch được chọn để khảo sát thực trạng PTDLLN.

3.3. PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN

a. Phương pháp thu thập thông tin thứ cấp

Gồm các tài liệu, sách báo, tạp chí, công trình nghiên cứu, niên giám thống kê đã được công bố. Nguồn dữ liệu, số liệu của Tổng cục thống kê; Bộ VH - TT - DL; Hiệp hội Du lịch Việt Nam; UBND tỉnh Bình Định; Sở Du lịch tỉnh Bình Định, các sở ban ngành liên quan.

b. Phương pháp thu thập thông tin sơ cấp

Khảo sát bằng bảng hỏi (phỏng vấn trực tiếp) đối với các nhóm đối tượng: hộ/cơ sở làng nghề, doanh nghiệp lữ hành và khách du lịch; nội dung tập trung vào đặc điểm mẫu, điều kiện sản xuất - dịch vụ, mức độ tham gia du lịch, đánh giá các nhân tố ảnh hưởng và mức độ hài lòng/trải nghiệm. Thảo luận nhóm tập trung với các bên liên quan tại địa bàn nhằm làm rõ bối cảnh, thuận lợi - khó khăn, cơ chế liên kết và đề xuất định hướng phát triển. Phỏng vấn sâu/tham vấn chuyên gia nhằm bổ trợ diễn giải kết quả định lượng và kiểm tra tính phù hợp của các nhận định nghiên cứu.

3.4. PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ VÀ PHÂN TÍCH THÔNG TIN

Thông tin thứ cấp sau khi được thu thập được hệ thống hóa theo các nội dung nghiên cứu. Thông tin sơ cấp được tập hợp và tiến hành kiểm chứng, làm sạch bằng cách loại bỏ các phiếu điều tra có sai sót hoặc không đáng tin cậy; sau đó các số liệu được xử lý bằng các phần mềm máy tính như Excel và SPSS. Các phương pháp sử dụng trong phân tích gồm thống kê mô tả, thống kê so sánh, phân tích nhân tố khám phá, phân tích hồi quy và SWOT.

3.5. HỆ THỐNG CHỈ TIÊU NGHIÊN CỨU

Nhằm đạt được mục tiêu nghiên cứu, luận án sử dụng các nhóm chỉ tiêu: Nhóm chỉ tiêu về đánh giá thực trạng PTDLLN; Nhóm chỉ tiêu đo lường các kết quả và hiệu quả DLLN. Nhóm chỉ tiêu về yếu tố ảnh hưởng đến PTDLLN.

PHẦN 4. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

4.1. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH LÀNG NGHỀ PHÍA ĐÔNG TỈNH GIA LAI

4.1.1. Quy hoạch và tổ chức không gian du lịch làng nghề

Công tác quy hoạch du lịch làng nghề giữ vai trò định hướng không gian phát triển và tổ chức hệ thống điểm đến tại khu vực phía Đông tỉnh Gia Lai. Trên cơ sở phân loại ngành nghề theo Nghị định 52/2018/NĐ-CP, các làng nghề tại địa bàn nghiên cứu được phân thành 05 nhóm ngành nghề hoạt động chính: (1) chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản; (2) sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ; (3) xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn; (4) sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ; và (5) sản xuất, kinh doanh sinh vật cảnh. Trong tổng số 69 làng nghề, 27 làng đã được công nhận theo tiêu chuẩn pháp lý hiện hành, tạo cơ sở nhận diện ban đầu cho việc đưa các làng nghề vào hệ thống điểm đến du lịch.

Về định hướng phát triển, du lịch làng nghề đã được lồng ghép trong các văn bản quy hoạch và chiến lược phát triển du lịch của địa phương, tiêu biểu như Quyết định số 3027/QĐ-UBND phê duyệt Đề án thí điểm phát triển du lịch tại các làng nghề truyền thống đến năm 2025, Quyết định số 1619/QĐ-TTg phê duyệt quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021- 2030 xác định du lịch văn hóa - lịch sử là trụ cột, và Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề giai đoạn 2021- 2030 (QĐ 801/QĐ-TTg, 2022) đặt mục tiêu xây dựng tuyến và điểm du lịch làng nghề. Một số làng nghề được lựa chọn làm điểm thí điểm như rượu Bàu Đá, nón ngựa Phú Gia, bánh tráng - bún số 8 Tăng Long 1 và bí đao Mỹ Thọ.

Xét về tổ chức không gian chức năng tại điểm đến, hoạt động du lịch hiện nay chủ yếu diễn ra ngay trong khu vực sản xuất truyền thống, chưa có sự phân tách rõ ràng giữa khu sản xuất, khu trưng bày - giới thiệu, khu trải nghiệm thực hành và khu dịch vụ hỗ trợ. Tình trạng này dẫn đến hoạt động đón tiếp và tổ chức trải nghiệm còn mang tính tự phát, thiếu cấu trúc tuyến điểm rõ ràng trong nội bộ làng nghề. Bên cạnh đó, mối liên kết không gian giữa các làng nghề và các điểm du lịch lân cận chưa được hình thành, phần lớn các làng nghề vẫn tồn tại như những điểm riêng lẻ, chưa được tổ chức thành cụm hoặc tuyến có tính liên kết, làm hạn chế khả năng mở rộng không gian trải nghiệm và kéo dài thời gian lưu trú của du khách.

Mức độ bao phủ của quy hoạch và đầu tư đối với các làng nghề bước đầu hình thành, với khoảng 40% các làng nghề có tiềm năng du lịch được đưa vào các chương trình phát triển chính thức, 25% làng nghề được đầu tư cơ sở vật chất phục vụ du lịch. Mặc dù, đã có định hướng phát triển nhưng việc cụ thể hóa quy hoạch theo không gian chức năng và tổ chức liên kết tuyến điểm còn hạn chế, khiến cấu trúc không gian DLLN chưa được hình thành một cách rõ ràng và đồng bộ. Khảo sát thực địa cho thấy hoạt động du lịch tại các làng nghề hiện tồn tại dưới ba mô hình tổ chức không gian khác nhau: (i) mô hình phổ biến nhất là tổ chức phân tán theo từng hộ sản xuất, duy trì tính chân thực của trải nghiệm nhưng khó điều phối khách và kiểm soát chất lượng dịch vụ; (ii) mô hình dựa chủ yếu vào điều kiện ngoại sinh (vị trí giao thông thuận lợi, thương hiệu sản phẩm) hơn là năng lực tổ chức du lịch, điển hình là làng mai cảnh Háo Đức và làng đan tre Mỹ Tài, nơi khách chủ yếu vắng lai tự phát; và (iii) mô hình có nhà truyền thống hoặc trụ sở hợp tác xã (như dệt chiếu cói Chương Hòa, chằm nón ngựa Phú Gia) nhưng mới đảm nhận chức năng giới thiệu nghề, chưa được khai thác như trung tâm điều phối du lịch. Ba mô hình này phản ánh ba mức độ phát triển khác nhau, cho thấy không thể áp dụng một khuôn mẫu quy hoạch thống nhất cho toàn bộ hệ thống làng nghề. Việc chuyển sang mô hình chính quyền địa phương hai cấp từ ngày 01/7/2025 cũng đặt ra yêu cầu mới: Luật số 72/2025/QH15 tập trung thẩm quyền quy hoạch tuyến du lịch liên xã về cấp tỉnh, trong khi Thông tư số 09/2025/TT-BVHTTDL chỉ giao cấp xã các nhiệm vụ quản lý hành chính cơ bản; trong giai đoạn chuyển tiếp, cấp xã còn thiếu năng lực quản lý điểm đến còn cấp tỉnh chưa ban hành quy hoạch chuyên biệt thay thế vai trò điều phối trước đây của cấp huyện, làm gia tăng nguy cơ tiếp tục duy trì tình trạng phát triển phân tán của các làng nghề.

4.1.2. Phát triển sản phẩm và thị trường

Phát triển sản phẩm và thị trường DLLN tại khu vực phía Đông tỉnh Gia Lai đã bước đầu hình thành với sự xuất hiện của một số mô hình trải nghiệm gắn với sản xuất truyền thống, góp phần gia tăng giá trị sản phẩm. Tuy nhiên, các hoạt động này vẫn mang tính tự phát, quy mô nhỏ, chưa tạo được dòng khách ổn định và chưa đủ sức thúc đẩy quá trình chuyên nghiệp hóa sản phẩm du lịch.

Bảng 4.1. Tổng hợp thông tin hoạt động các làng nghề tiêu biểu phía Đông tỉnh Gia Lai

Tên làng nghề	Số hộ làm nghề	Số hộ làm thường xuyên	Thu nhập trung bình (triệu đồng/tháng)	Khách du lịch tham quan	Khó khăn chính
Bánh tráng - Bún số 8 Tầng Long 1	40	20	4,5	Có, nhưng ít	Mùa mưa ngừng hoạt động; đầu ra khó khăn
Bí đao khổng lồ Mỹ Thọ	30	30	3,5	Có	Thời gian kinh doanh ngắn; thiếu đầu mối tiêu thụ
Dệt chiếu cói Chương Hòa	500	150	5	Có, nhưng ít	Sản phẩm bán chậm; thiếu kênh tiêu thụ ổn định
Chằm nón ngựa Phú Gia	200	200	4,2	Có, nhiều	Bán chậm; thiếu kênh tiêu thụ ổn định
Trồng mai cảnh Háo Đức	1500	1500	6	Có, nhiều	Thời gian kinh doanh ngắn; thiếu đầu mối tiêu thụ
Đan tre Mỹ Tài	50	50	3	Có, nhưng ít	Nguyên liệu tre cạn kiệt; bán ra hạn chế
Rượu Bàu Đá	34	25	5	Có, nhiều	Khó tìm đầu ra; giá nguyên vật liệu cao
Tiện gỗ mỹ nghệ Nhơn Hậu	120	120	4,8	Có, nhiều	Bán chậm; thiếu kênh tiêu thụ ổn định

Nguồn: Tác giả khảo sát thực địa (2024)

Về quy mô và nền tảng phát triển, năm 2025, khu vực phía Đông tỉnh Gia Lai có tổng số 69 làng nghề, trong đó 27 làng được công nhận theo Nghị định 52/2018/NĐ-CP. Tuy nhiên, chỉ có 09 làng có phương án bảo vệ môi trường và 12 làng có sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên. Những con số này cho thấy, mặc dù số lượng làng nghề tương đối lớn, tạo nền tảng thuận lợi cho phát triển du lịch, nhưng mức độ chuẩn hóa về môi trường và chất lượng sản phẩm còn hạn chế. Mức độ phát triển giữa các địa bàn cũng phân hóa rõ rệt: An Nhơn nổi bật về quy mô và số lượng làng nghề (16/24 làng nghề truyền thống được công nhận) với cơ cấu ngành nghề đa dạng; Hoài Nhơn có quy mô nhỏ hơn nhưng nổi bật về mức độ chuẩn hóa, thể hiện qua số lượng sản phẩm OCOP và nhãn hiệu tập thể cao hơn; trong khi Phù Mỹ chủ yếu vẫn duy trì các sản phẩm truyền thống, chưa tham gia nhiều vào hệ thống OCOP, làm hạn chế khả năng thương mại hóa thành sản phẩm du lịch.

Bảng 4.2. Doanh thu các làng nghề giai đoạn 2019–2024**(ĐVT: triệu đồng)**

TT	Nhóm ngành nghề	2019	2022	2023	2024	Tốc độ tăng trưởng (%/năm)
I	Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản					
1	LNTT Rượu Bàu Đá	26.640,00	10.000,00	10.500,00	8.700,00	-20,05
2	Bánh trắng - Bún số 8 Tăng Long 1	30.800	47.500,00	42.000,00	43.000,00	6,90
II	Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ					
3	LN Tiện gỗ mỹ nghệ Nhơn Hậu	80.000	29.000,00	29.000,00	29.000,00	-18,37
4	LN Chằm Nón ngựa Phú Gia	5.300,00	3.176,80	3.176,80	3.170,00	-9,77
III	Sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, cơ khí nhỏ					
5	LN chiếu cói Chương Hòa	820	1.836,80	1.836,80	1.600,00	14,30
6	LN đan tre Mỹ Tài	46.700,00	46.700,00	46.700,00	32.700,00	-6,88
IV	Sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh					
7	LN trồng mai cảnh Háo Đức	69.504,00	45.280,00	45.280,00	45.300,00	-8,21
8	Làng Bí đao khổng lồ Mỹ Thọ	2.600,00	3.200,00	3.370,00	3.150,00	3,91
	Tổng cộng	262.364,00	186.694,00	181.864,00	166.620,00	-8,68

Nguồn: Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bình Định (2025)

Về hiệu quả sản xuất - kinh doanh, số liệu tại Bảng 4.2 phản ánh bức tranh phân hóa sâu sắc trong doanh thu của các làng nghề giai đoạn 2019 - 2024, với tổng doanh thu toàn nhóm giảm từ 262.364 triệu đồng (2019) xuống còn 166.620 triệu đồng (2024), tương ứng tốc độ tăng trưởng bình quân năm (CAGR) là - 8,68%/năm. Trong giai đoạn này, 5/8 làng nghề ghi nhận doanh thu giảm và 3/8 làng nghề ghi nhận doanh thu tăng, cho thấy áp lực suy giảm đang chiếm xu thế chủ đạo, song không đồng đều giữa các nhóm nghề.

Từ góc độ thị trường, mặc dù nhu cầu tiêu dùng sản phẩm làng nghề của du khách tương đối cao, nhưng việc khai thác còn hạn chế do thiếu liên kết tour

tuyến và kênh phân phối. Các làng nghề có thể phân thành hai nhóm chính: (i) *nhóm làng nghề trải nghiệm kỹ năng nghề* và (ii) *nhóm làng nghề trải nghiệm tiêu dùng tại chỗ*, với cơ chế tạo giá trị và khả năng thu hút khách khác nhau. Tuy nhiên, trong cả hai nhóm đều tồn tại sự phân hóa giữa các làng nghề đã có thương hiệu và các làng nghề chưa được khai thác hiệu quả.

4.1.3. Thực trạng nguồn lực đầu tư cho phát triển du lịch làng nghề

Nguồn lực đầu tư cho PTDLLN có xu hướng gia tăng trong giai đoạn gần đây, với quy mô đạt khoảng 350 - 400 tỷ đồng, tương đương 8-12% tổng vốn đầu tư du lịch tại khu vực phía Đông tỉnh Gia Lai. Tuy nhiên, xét trong tương quan với nhu cầu đầu tư cho hạ tầng, sản phẩm, không gian trải nghiệm và xúc tiến thị trường, quy mô đầu tư hiện tại vẫn còn ở mức khiêm tốn. Cơ cấu đầu tư còn mất cân đối, chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước, trong khi sự tham gia của khu vực tư nhân và doanh nghiệp du lịch còn hạn chế, dẫn đến phân bổ nguồn lực không đồng đều giữa các làng nghề.

Ở cấp độ hộ sản xuất, khả năng tiếp cận nguồn vốn vẫn còn hạn chế. Kết quả khảo sát cho thấy 74% hộ sản xuất có nhu cầu được hỗ trợ tài chính; 62% cho rằng điều kiện vay vốn chưa thuận lợi; 48% e ngại vay vốn; 36% chưa nắm rõ các chính sách hỗ trợ; và 68% gặp khó khăn khi tiếp cận nguồn vốn ưu đãi. Đồng thời, hạ tầng phục vụ du lịch còn chưa đồng bộ, thể hiện qua hạn chế về giao thông tiếp cận, cơ sở đón tiếp và điều kiện vệ sinh, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tổ chức trải nghiệm và thu hút du khách. Việc huy động các nguồn lực bên ngoài như hợp tác công - tư (PPP) hoặc hỗ trợ quốc tế còn chưa phổ biến, cho thấy phạm vi huy động nguồn lực còn hạn chế. Khảo sát doanh nghiệp lữ hành cho thấy rõ nguyên nhân của thực trạng này: mặc dù 45% doanh nghiệp bày tỏ mong muốn tham gia đầu tư phát triển du lịch làng nghề, vẫn có 55% cho rằng mức độ rủi ro còn cao do quy mô thị trường chưa đủ ổn định và khả năng thu hồi vốn còn nhiều bất định. Điều này tạo ra một vòng luẩn quẩn trong phát triển: doanh nghiệp chỉ sẵn sàng đầu tư khi thị trường đã hình thành, trong khi sự hình thành của thị trường lại phụ thuộc đáng kể vào nguồn lực đầu tư ban đầu, chủ yếu vẫn đến từ khu vực công (18/69 làng nghề được hỗ trợ ngân sách, so với 12/69 làng có sự tham gia của doanh nghiệp).

4.1.4. Thực trạng nguồn nhân lực và đào tạo phục vụ du lịch làng nghề

Trong giai đoạn 2019 - 2024, cơ cấu lao động tại các làng nghề khu vực phía Đông tỉnh Gia Lai có sự biến động nhất định. Số liệu tại Bảng 4.3 cho thấy tại nhiều làng nghề có sự điều chỉnh theo hướng gia tăng tỷ trọng lao động làm nghề thường xuyên so với lao động thời vụ, đặc biệt ở các làng nghề có hoạt động sản xuất tương đối ổn định hoặc bước đầu đã gắn với hoạt động du lịch. Tuy nhiên, xu hướng này không diễn ra đồng đều giữa các làng nghề. Ở nhiều địa bàn, lao động thời vụ vẫn chiếm tỷ lệ đáng kể, cho thấy hoạt động nghề chưa thực sự trở thành nguồn sinh kế chính.

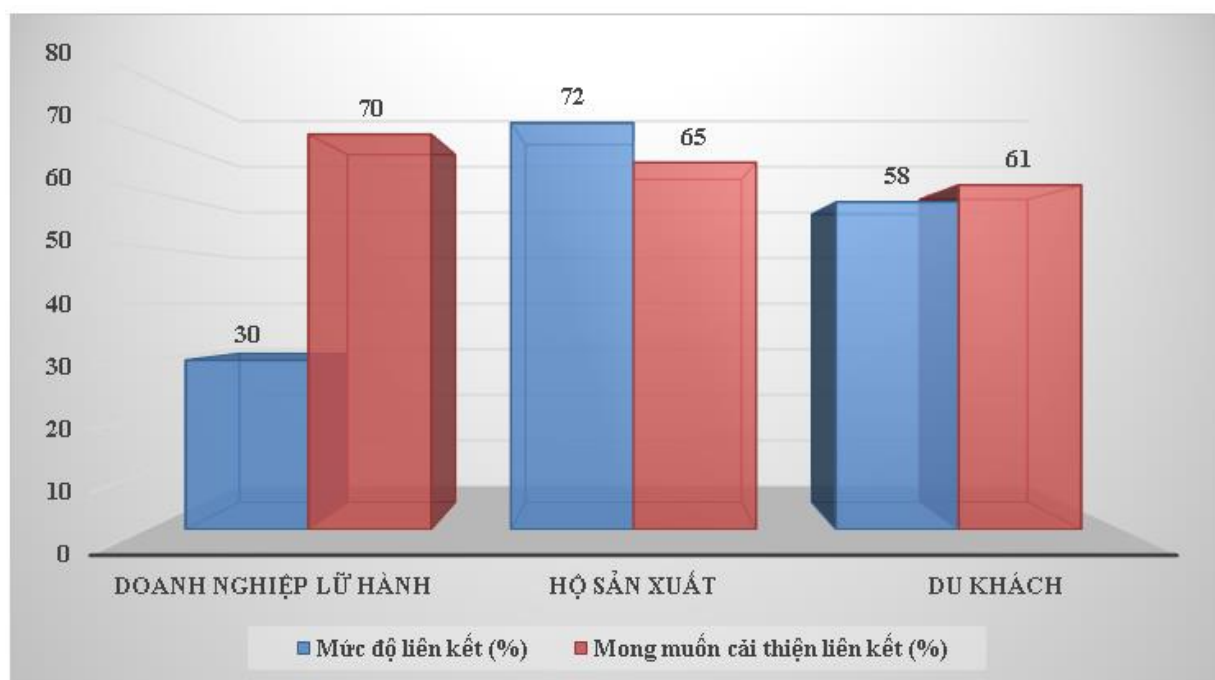
Bảng 4.3. Nguồn nhân lực tại các làng nghề giai đoạn 2019-2024

Năm	Đanh mục	2019			2022			2023			2024		
		Tổng	Lao động thời vụ	Lao động thường xuyên	Tổng	Lao động làm chuyên	Lao động thời vụ	Tổng	Lao động làm chuyên	Lao động thời vụ	Tổng	Lao động làm chuyên	Lao động thời vụ
I	Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản												
	LNTT Rượu												
1	Bàu Đá Nhon	354	168	186	68	68		68	68		68	68	
	Lộc												
	LN bánh trắng												
2	và bún số 8	238	46	192	207	190	17	238	192	46	207	190	17
	Tăng Long 1												
II	Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ												
3	LN Tiện gỗ mỹ nghệ Nhon Hậu	330	120	210	398	366	32	398	366	32	398	366	32
4	LN chằm Nón ngựa Phú Gia	109	29	80	235	136	99	235	136	99	235	136	99
III	Sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, cơ khí nhỏ												
5	LN chiếu cói	358	89	269	358	173	185	356	267	89	356	267	89
	Chương Hòa												
6	LN đan tre Mỹ Tài	220	100	120	140	140		140	60		140	60	
IV	Sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh												
7	LN trồng mai cảnh Hảo Đức	1.450	656	794	558	558		558	558		558	558	
8	LN Trồng bí đao khổng lồ	64	34	30	30	30		30	30		30	30	

Nguồn: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định (2025)

4.1.5. Thực trạng liên kết trong phát triển du lịch làng nghề

Liên kết là điều kiện quan trọng để du lịch làng nghề vượt ra khỏi quy mô hoạt động đơn lẻ. Tuy nhiên, tại khu vực phía Đông tỉnh Gia Lai, hoạt động liên kết vẫn còn rời rạc, chưa hình thành cơ chế phối hợp ổn định giữa các chủ thể. Mức độ kết nối tuyến điểm còn hạn chế khi chỉ khoảng 30% làng nghề có liên kết với các tuyến du lịch hiện hữu, trong khi nhu cầu kết hợp tham quan từ phía du khách lại tương đối rõ rệt. Về sự tham gia của các chủ thể, 70% người dân chưa nhận thức rõ vai trò du lịch làng nghề, 80% doanh nghiệp du lịch chưa có chính sách hợp tác cụ thể, và 65% hộ sản xuất chưa tiếp cận được các chương trình xúc tiến du lịch. Từ phía cộng đồng, khảo sát 371 hộ sản xuất cho thấy 72% hộ đánh giá mức độ kết nối với doanh nghiệp lữ hành còn thấp. Kết quả khảo sát cho thấy 433 du khách cho thấy nhu cầu liên kết sản phẩm có cơ sở thị trường rõ rệt: 58% du khách mong muốn kết hợp tham quan làng nghề với các điểm du lịch văn hóa, tự nhiên, 61- 65% kỳ vọng có thêm các chương trình trải nghiệm liên kết.



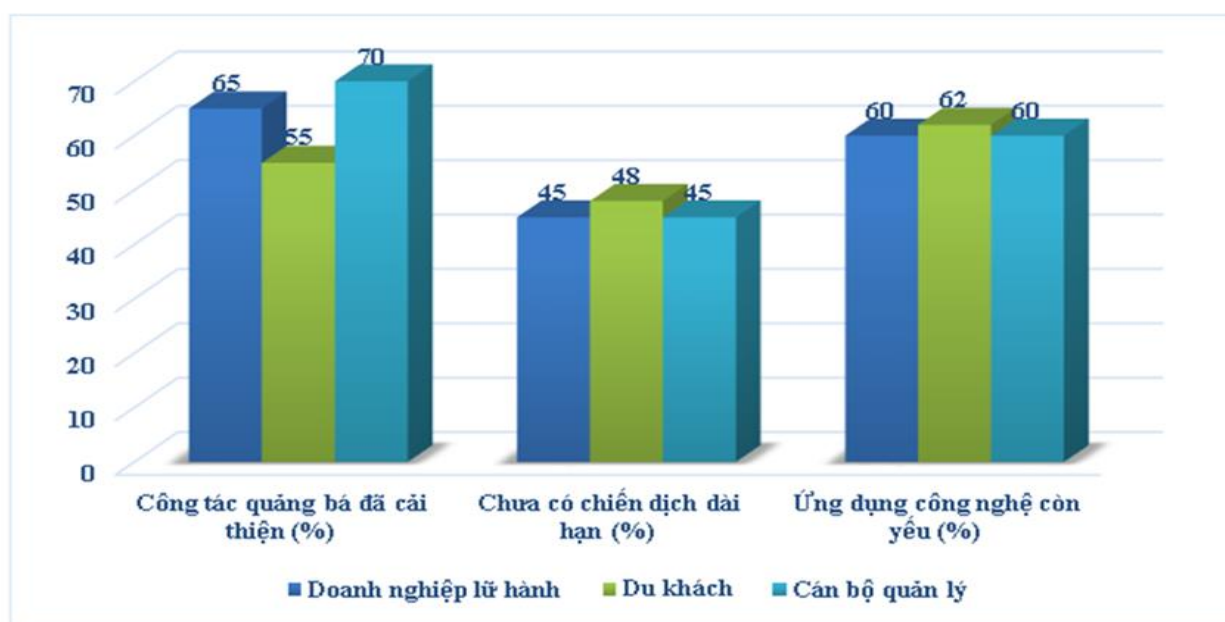
Biểu đồ 4.1. Thực trạng hoạt động liên kết

4.1.6. Thực trạng xúc tiến quảng bá và xây dựng hình ảnh thương hiệu du lịch làng nghề

Trong những năm gần đây, tỉnh Gia Lai, đặc biệt tại khu vực phía Đông, đã có một số hoạt động xúc tiến thông qua việc tham gia hội chợ, triển lãm,

chương trình giới thiệu sản phẩm OCOP và lồng ghép sản phẩm thủ công truyền thống trong các sự kiện văn hóa - du lịch cấp tỉnh và liên vùng.

Kết quả khảo sát cho thấy nhận thức về hiệu quả xúc tiến có cải thiện nhưng chưa đồng đều: 65% doanh nghiệp đánh giá hoạt động quảng bá đã được cải thiện, 58% ghi nhận vai trò của các hội chợ OCOP trong việc gia tăng nhận diện, song vẫn có 40% cho rằng thông tin quảng bá còn hạn chế và thiếu nội dung có thể sử dụng trực tiếp trong xây dựng và bán tour. Đáng chú ý, tồn tại khoảng cách rõ rệt giữa nhận biết và hành vi: khoảng 55% du khách biết đến làng nghề thông qua các sự kiện nhưng chỉ 30% thực sự tham quan; 48% cho rằng thông tin trực tuyến còn thiếu và khó tiếp cận, trong khi 62% có nhu cầu tiếp cận các nội dung số như video hoặc trải nghiệm ảo trước khi ra quyết định.



Biểu đồ 4.2. Mức độ nhận biết thực trạng hoạt động xúc tiến, quảng bá

Ở góc độ quản lý, 70% ý kiến cho rằng DLLN chưa được ưu tiên trong chiến lược quảng bá chung của địa phương và 60% đánh giá việc ứng dụng công nghệ số còn hạn chế; từ phía cộng đồng, 62% hộ sản xuất chưa có đủ nguồn lực hoặc kỹ năng để tự quảng bá, 50% chưa từng được hướng dẫn sử dụng mạng xã hội. Nhu cầu hoàn thiện hoạt động xúc tiến thể hiện rõ từ cả hai phía: 68% doanh nghiệp mong muốn có chiến lược quảng bá riêng theo phân khúc khách, 70% hộ sản xuất cần được hỗ trợ kỹ năng truyền thông số, và 58% đề xuất tăng cường các hoạt động kết nối như famtrip, presstrip.

4.1.7. Kết quả phát triển du lịch làng nghề phía Đông tỉnh Gia Lai

Kết quả PTDLLN tại khu vực phía Đông tỉnh Gia Lai cho thấy đã hình thành bước đầu về quy mô thị trường và hiệu quả khai thác. Toàn vùng ước đạt khoảng 400.000 lượt khách/năm với doanh thu khoảng 86 tỷ đồng, tương đương mức chi tiêu bình quân khoảng 215 nghìn đồng/lượt. Trong số 26 làng nghề có hoạt động du lịch, chỉ 15 làng có khách tham quan và khoảng 30% có liên kết chính thức với tuyến du lịch, phản ánh mức độ phát triển còn phân hóa và thiếu liên kết hệ thống.

Bảng 4.4. Kết quả kiểm định độ tin cậy thang đo phát triển du lịch làng nghề và sự hài lòng

Thang đo	Số biến	Cronbach's Alpha
PTDLLN	3	0,876
SHL	5	0,827

Bảng 4.5. Kết quả kiểm định thang đo phát triển du lịch làng nghề và sự hài lòng

Mã	Nội dung biến quan sát	Mean	SD	Hệ số tải
<i>PTDLLN – Cronbach's Alpha = 0,876</i>				
PTDLLN1	DLLN làm tăng sức hút của điểm đến	4,09	0,556	0,880
PTDLLN2	DLLN cần thiết để nâng cao năng lực cạnh tranh	4,11	0,549	0,910
PTDLLN3	DLLN tạo nên nét đặc trưng văn hóa cho điểm đến	4,10	0,541	0,895
<i>SHL – Cronbach's Alpha = 0,827</i>				
SHL1	Hài lòng chung về trải nghiệm tại làng nghề	4,07	0,776	0,801
SHL2	Ấn tượng tích cực sau chuyến thăm	4,11	0,754	0,745
SHL3	Chất lượng trải nghiệm đáp ứng kỳ vọng	4,08	0,778	0,752
SHL4	Sẵn sàng giới thiệu LN cho bạn bè, người thân	4,12	0,750	0,731
SHL5	Dự định quay lại tham quan làng nghề	4,08	0,778	0,810

Nguồn: Kết quả chạy SPSS từ số liệu khảo sát (2024)

Ở góc độ cảm nhận, du khách đánh giá tích cực vai trò của DLLN với điểm trung bình các thang đo đều trên 4,0; mức độ hài lòng chung đạt từ 4,07-4,12. Đáng chú ý, mức độ sẵn sàng giới thiệu (4,12) cao hơn ý định quay lại (4,08),

cho thấy trải nghiệm có khả năng lan tỏa nhưng chưa đủ sức giữ chân khách. Đồng thời, 61% du khách cho biết sẽ kéo dài thời gian lưu trú nếu có chương trình trải nghiệm phù hợp, phản ánh tiềm năng thị trường còn chưa được khai thác đầy đủ.

Đối chiếu giữa kết quả đạt được và nhu cầu thị trường cho thấy tồn tại các khoảng trống phát triển rõ rệt:

Bảng 4.6. Các khoảng trống phát triển du lịch làng nghề

Khoảng trống	Biểu hiện số liệu	Hàm ý
Nhận biết → tham quan	55% biết nhưng chỉ 30% đến	Khả năng chuyển hóa thị trường thấp
Giới thiệu → quay lại	SHL4 = 4,12 > SHL5 = 4,08	Trải nghiệm chưa đủ giữ chân khách
Nhu cầu → đáp ứng	61% muốn trải nghiệm; 80% DN chưa hợp tác	Cung chưa theo kịp cầu
Tiếp cận thông tin	48% khó tìm thông tin online	Hạn chế chuyển đổi số
Liên kết chuỗi	72% hộ đánh giá kết nối thấp	Thiếu tích hợp hệ thống

4.2. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN DU LỊCH LÀNG NGHỀ PHÍA ĐÔNG TỈNH GIA LAI

Phân tích các yếu tố ảnh hưởng cho thấy PTDLLN tại khu vực phía Đông tỉnh Gia Lai không được quyết định bởi một yếu tố đơn lẻ, mà là kết quả của sự tương tác đồng thời giữa bảy nhóm nhân tố: sản phẩm DLLN, cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực, an toàn - an ninh, vệ sinh môi trường, sự tham gia của cộng đồng địa phương và thể chế - chính sách. Trên cơ sở 408 quan sát hợp lệ, các thang đo đều đạt độ tin cậy cao (Cronbach's Alpha dao động từ 0,863 đến 0,894), các biến quan sát có hệ số tải nhân tố tốt, và mô hình hồi quy có mức độ phù hợp khá cao với $R^2 = 0,515$; R^2 hiệu chỉnh = 0,506; $F = 60,664$; Sig. = 0,000; các chỉ số VIF đều dưới 2 và Durbin-Watson = 1,499, cho thấy mô hình có ý nghĩa thống kê và không vi phạm các giả định cơ bản của hồi quy tuyến tính bội.

Cơ sở hạ tầng là yếu tố có tác động mạnh nhất ($\beta = 0,277$), xác nhận đây là "nút thắt cấu trúc" ưu tiên cần can thiệp. Vệ sinh môi trường xếp thứ hai ($\beta = 0,214$), vượt cả nhân lực và sản phẩm, phản ánh cơ chế "sản xuất kép" đặc thù của làng nghề. Thể chế, chính sách có ảnh hưởng gián tiếp và dài hạn ($\beta = 0,139$).

Nghiên cứu chỉ ra một phát hiện có ý nghĩa lý luận và thực tiễn: tồn tại khoảng cách giữa cảm nhận tích cực của du khách và mức độ phát triển thực chất của các yếu tố cấu thành điểm đến. Nhiều yếu tố được du khách đánh giá khá cao trong ngắn hạn, nhưng khi đối chiếu với thực trạng lại cho thấy các hạn chế mang tính cấu trúc vẫn hiện diện rõ.

Bảng 4.7. Kết quả hồi quy các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch làng nghề phía Đông tỉnh Gia Lai

Coefficients ^a								
Model	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics		
	B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF	
1	Hằng số	0.272	0.199		1.366	0.173		
	SPDLLN	0.123	0.026	0.185	4.718	0.000	0.791	1.265
	CSHT	0.192	0.026	0.277	7.443	0.000	0.875	1.142
	NNL	0.124	0.025	0.193	4.995	0.000	0.815	1.228
	ATAN	0.125	0.029	0.190	4.365	0.000	0.639	1.566
	VSMT	0.148	0.028	0.214	5.380	0.000	0.767	1.304
	CDDP	0.121	0.024	0.175	4.921	0.000	0.958	1.044
	TCCS	0.099	0.028	0.139	3.498	0.001	0.766	1.306
a. Biến phụ thuộc: PTDLLN (Phát triển du lịch làng nghề)								

a. **Biến phụ thuộc:** PTDLLN (Phát triển du lịch làng nghề)

Nguồn: Kết quả phân tích từ số liệu khảo sát

Phương trình hồi quy chuẩn hóa:

$$PTDLLN = 0,277 \times CSHT + 0,214 \times VSMT + 0,193 \times NNL + 0,190 \times ATAN + 0,185 \times SPDLLN + 0,175 \times CDDP + 0,139 \times TCCS$$

4.3. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH LÀNG NGHỀ PHÍA ĐÔNG TỈNH GIA LAI

4.3.1. Căn cứ đề xuất định hướng và giải pháp

4.3.1.1. Căn cứ vào định hướng phát triển kinh tế – xã hội và du lịch

Hệ thống chính sách của Trung ương và địa phương tạo nền tảng pháp lý thuận lợi, định hướng phát triển du lịch nông thôn, du lịch làng nghề theo hướng bền vững, gắn với bản sắc và chuyển đổi số.

4.3.1.2. Căn cứ vào thực trạng và phân tích SWOT

Thực trạng cho thấy DLLN đã có nền tảng nhưng còn hạn chế về quy hoạch, sản phẩm, nhân lực, hạ tầng, liên kết và xúc tiến. Kết quả hồi quy xác định bảy yếu tố ảnh hưởng theo thứ tự: cơ sở hạ tầng, môi trường, nhân lực, an toàn – an ninh, sản phẩm, cộng đồng và thể chế. Phân tích SWOT chỉ ra điểm mạnh về tài nguyên và bản sắc; điểm yếu về hạ tầng và liên kết; cơ hội từ xu hướng thị trường; và thách thức từ cạnh tranh và nguy cơ mai một văn hóa.

4.3.1.3. Căn cứ vào kinh nghiệm trong nước và quốc tế

Các bài học chính bao gồm: chuẩn hóa sản phẩm, phát huy vai trò cộng đồng, đầu tư hạ tầng kết nối, xây dựng thương hiệu gắn với văn hóa và truyền thông số, và tổ chức không gian theo cấu trúc tuyến - cụm - điểm.

4.3.2. Định hướng phát triển du lịch làng nghề phía Đông tỉnh Gia Lai

Sáu định hướng chủ đạo được xác lập gồm: (i) PTDLLN trong cấu trúc không gian tuyến - cụm - điểm, gắn với tổ chức không gian du lịch vùng phía Đông tỉnh Gia Lai; (ii) PTDLLN trên cơ sở phát huy bản sắc văn hóa đặc thù của từng làng nghề, tạo khác biệt sản phẩm và xây dựng định vị thương hiệu rõ ràng; (iii) PTDLLN theo chuỗi giá trị, gắn kết sản xuất nghề - trải nghiệm du lịch - tiêu thụ sản phẩm thành hệ thống thống nhất; (iv) lấy cộng đồng địa phương làm chủ thể trung tâm của quá trình PTDLLN; (v) PTDLLN gắn với bảo tồn văn hóa, bảo vệ môi trường và bảo đảm tính bền vững dài hạn; và (vi) tăng cường liên kết nội tỉnh và liên vùng nhằm mở rộng không gian thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh của du lịch làng nghề.

4.3.3 Các giải pháp phát triển du lịch làng nghề phía Đông tỉnh Gia Lai

Căn cứ vào thứ bậc Beta từ mô hình hồi quy bội và quan hệ điều kiện tiên quyết giữa các giải pháp, mười giải pháp được sắp xếp theo trình tự ưu tiên như sau:

4.3.3.1. Hoàn thiện quy hoạch và tổ chức không gian DLLN

Xác lập không gian phát triển du lịch làng nghề theo cấu trúc tuyến - cụm - điểm, phù hợp với quy hoạch du lịch tổng thể của vùng phía Đông tỉnh Gia Lai; tạo nền tảng để phân vai sản phẩm, định hướng đầu tư hạ tầng và tổ chức liên kết thị trường một cách có trọng tâm, tránh trùng lặp và dàn trải.

4.3.3.2. Cải thiện cơ sở hạ tầng và nâng cao chất lượng dịch vụ DLLN

Nâng cao khả năng tiếp cận và sự thuận tiện cho du khách khi đến, ở, trải nghiệm và mua sắm tại làng nghề; chuẩn hóa tiện ích cơ bản để nâng cao chất lượng dịch vụ và mức hài lòng của du khách; tăng năng lực cạnh tranh và hiệu quả khai thác tour tuyến thông qua đầu tư hạ tầng đồng bộ và có trọng điểm.

4.3.3.3. Bảo vệ môi trường và phát triển DLLN theo định hướng xanh và bền vững

Duy trì môi trường sạch sẽ và cảnh quan hài hòa tại khu sản xuất, khu đón khách và không gian công cộng của làng nghề; thúc đẩy PTDL xanh gắn với bảo tồn tài nguyên và kiểm soát ô nhiễm; tăng cường trách nhiệm cộng đồng và du khách trong bảo vệ môi trường, tạo sức hấp dẫn lâu dài cho điểm đến.

4.3.3.4. Tăng cường đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực LN

Nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm du khách thông qua cải thiện năng lực giao tiếp, thuyết minh và tác phong phục vụ; phát triển đội ngũ hướng dẫn viên và thuyết minh viên địa phương am hiểu nghề và văn hóa; bảo tồn và phát triển nghề truyền thống gắn với tạo sinh kế cho lao động trẻ; tăng tính chuyên nghiệp trong quản trị điểm đến làng nghề.

4.3.3.5. Bảo đảm an toàn, an ninh tại điểm đến du lịch làng nghề

Bảo đảm môi trường du lịch làng nghề an toàn, trật tự và thân thiện, điều kiện để du khách có thể trải nghiệm trọn vẹn và tin tưởng quay lại; xây dựng hình ảnh điểm đến minh bạch, văn minh, có trách nhiệm với du khách; giảm thiểu rủi ro về an toàn lao động, an toàn thực phẩm và an toàn giao thông tại khu vực làng nghề gắn với du lịch.

4.3.3.6. Phát triển và đa dạng hóa sản phẩm DLLN

Phát triển hệ sản phẩm du lịch làng nghề đặc thù, có chiều sâu văn hóa và khả năng thương mại hóa cao; đáp ứng nhiều phân khúc khách hàng (nội địa, quốc tế, học sinh - sinh viên, khách gia đình); kéo dài thời gian lưu trú và tăng mức chi tiêu tại điểm đến; gắn phát triển sản phẩm với bảo tồn nghề truyền thống và sinh kế cộng đồng.

4.3.3.7. Tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong PTDLLN

Xác lập cộng đồng là chủ thể trung tâm - vừa là người làm nghề, người cung ứng dịch vụ, vừa là người gìn giữ văn hóa và cảnh quan; thiết lập cơ chế

tham gia và chia sẻ lợi ích công bằng, minh bạch để tăng động lực tham gia bền vững; nâng cao ý thức bảo tồn nghề, văn hóa và môi trường thông qua sự tham gia thực chất vào chuỗi giá trị du lịch.

4.3.3.8. *Đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá và chuyển đổi số DLLN*

Xây dựng hình ảnh điểm đến DLLN phía Đông tỉnh Gia Lai rõ ràng, nhất quán và có sức lan tỏa; mở rộng thị trường và tăng khả năng tiêu thụ SPDL; nâng cao hiệu quả phân phối trên nền tảng số; thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị giữa cộng đồng làng nghề, doanh nghiệp du lịch và các điểm đến trong vùng.

4.3.3.9. *Liên kết các làng nghề, xây dựng các tuyến, chương trình DLLN*

Hình thành các hành trình DLLN liên hoàn, đa trải nghiệm, có khả năng bán được qua doanh nghiệp lữ hành; tăng lượng khách, kéo dài thời gian lưu trú và nâng mức chi tiêu; nâng cao hiệu quả khai thác tài nguyên và tránh trùng lặp thông qua phân vai sản phẩm rõ ràng theo cấu trúc tuyến - cụm - điểm; thúc đẩy liên kết đa chủ thể và chia sẻ lợi ích bền vững cho cộng đồng.

4.3.3.10. *Hoàn thiện cơ chế điều phối hỗ trợ PTDLLN*

Hoàn thiện môi trường pháp lý và cơ chế quản lý phù hợp cho phát triển du lịch làng nghề; tăng cường phối hợp giữa các chủ thể tham gia; khuyến khích huy động nguồn lực xã hội hóa; đồng thời bảo đảm hài hòa giữa phát triển du lịch với bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống.

PHẦN 5. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

5.1. KẾT LUẬN

1) Luận án đã hệ thống hóa và làm rõ thêm cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển du lịch làng nghề trong bối cảnh phát triển du lịch trải nghiệm và kinh tế văn hóa hiện nay. Trên cơ sở kế thừa các nghiên cứu trước, luận án tiếp cận phát triển du lịch làng nghề trong mối quan hệ giữa tài nguyên nghề truyền thống, hoạt động du lịch và sự tham gia của các chủ thể liên quan. Nghiên cứu cho thấy du lịch làng nghề không chỉ là hoạt động khai thác giá trị nghề truyền thống phục vụ tham quan mà còn liên quan đến tổ chức sản phẩm trải nghiệm, khả năng liên kết thị trường, sự tham gia của cộng đồng và hiệu quả phân phối lợi ích trong phát triển du lịch địa phương.

2) Kết quả nghiên cứu cho thấy khu vực phía Đông tỉnh Gia Lai sở hữu hệ thống làng nghề đa dạng với nhiều giá trị văn hóa và lịch sử đặc sắc như rượu Bàu Đá, tiện gỗ mỹ nghệ Nhơn Hậu, chằm nón ngựa Phú Gia, dệt chiếu cói Chương Hòa, mai cảnh Háo Đức hay bánh tráng - bún số 8 Tầng Long 1. Một số làng nghề đã bước đầu hình thành hoạt động du lịch gắn với tham quan, trải nghiệm nghề và tiêu dùng sản phẩm tại chỗ. Trong giai đoạn nghiên cứu, hoạt động du lịch làng nghề đã tạo thêm nguồn thu cho người dân địa phương, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm và góp phần duy trì nghề truyền thống trong bối cảnh chuyển dịch kinh tế nông thôn.

Tuy nhiên, kết quả khai thác du lịch giữa các địa bàn còn chênh lệch đáng kể. An Nhơn là địa bàn có kết quả phát triển nổi bật hơn nhờ lợi thế kết nối giao thông, khả năng tổ chức trải nghiệm và thương hiệu sản phẩm làng nghề. Ngược lại, một số làng nghề có giá trị văn hóa cao nhưng khả năng khai thác du lịch vẫn còn thấp, thể hiện qua lượng khách, doanh thu và tỷ lệ kết nối tour tuyến chưa tương xứng với tiềm năng. Nghiên cứu cũng cho thấy nhiều hạn chế trong phát triển du lịch làng nghề hiện nay như cơ sở hạ tầng phục vụ khách chưa đồng bộ, sản phẩm trải nghiệm còn đơn điệu, liên kết với doanh nghiệp lữ hành còn yếu, hoạt động quảng bá thiếu chiều sâu và nguồn nhân lực du lịch chưa đáp ứng yêu cầu thực tế.

3) Kết quả phân tích các yếu tố ảnh hưởng cho thấy phát triển du lịch làng nghề phía Đông tỉnh Gia Lai chịu tác động của nhiều nhóm yếu tố khác nhau. Trong đó, cơ sở hạ tầng là yếu tố có ảnh hưởng mạnh nhất đến phát triển du lịch làng nghề, tiếp theo là vệ sinh môi trường, nguồn nhân lực, an toàn - an ninh, sản phẩm du lịch làng nghề, sự tham gia của cộng đồng địa phương và thể chế, chính sách hỗ trợ. Các yếu tố này có mối liên hệ với nhau và tác động đồng thời đến khả năng tổ chức hoạt động du lịch, chất lượng trải nghiệm của du khách cũng như hiệu quả khai thác giá trị làng nghề tại địa bàn nghiên cứu.

Bên cạnh đó, tài nguyên văn hóa và nghề truyền thống không tự động chuyển hóa thành lợi thế cạnh tranh du lịch nếu thiếu các điều kiện hỗ trợ về hạ tầng, tổ chức sản phẩm, liên kết thị trường, quản trị điểm đến và cơ chế phối hợp giữa các chủ thể liên quan, nhiều làng nghề có giá trị lịch sử đặc sắc nhưng chưa hình thành được sản phẩm trải nghiệm hấp dẫn hoặc chưa tham gia hiệu quả vào mạng lưới tour tuyến.

4) Từ kết quả nghiên cứu thực trạng, phân tích hồi quy và ma trận SWOT, luận án đã đề xuất mười nhóm giải pháp nhằm phát triển du lịch làng nghề phía Đông tỉnh Gia Lai trong thời gian tới, bao gồm: (i) hoàn thiện quy hoạch và tổ chức không gian phát triển du lịch làng nghề; (ii) cải thiện cơ sở hạ tầng và nâng cao chất lượng dịch vụ; (iii) bảo vệ môi trường và phát triển làng nghề; (iv) tăng cường đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; (v) bảo đảm an toàn- an ninh điểm đến; (vi) phát triển và đa dạng hóa sản phẩm du lịch; (vii) tăng cường sự tham gia chủ động của cộng đồng trong phát triển du lịch làng nghề; (viii) đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá và chuyển đổi số; (ix) liên kết các làng nghề, xây dựng các tuyến và chương trình du lịch; (x) hoàn thiện cơ chế điều phối hỗ trợ phát triển du lịch làng nghề.

Nhìn tổng thể, du lịch làng nghề phía Đông tỉnh Gia Lai có nhiều tiềm năng phát triển nếu giải quyết được các hạn chế về hạ tầng, liên kết và tổ chức sản phẩm. Trong dài hạn, đây không chỉ là hướng phát triển du lịch mà còn là giải pháp duy trì không gian văn hóa nghề truyền thống gắn với sinh kế cộng đồng trong quá trình chuyển đổi kinh tế nông thôn hiện nay.

KIẾN NGHỊ

Kiến nghị với Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, tác giả luận án kiến nghị với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (BVHTTDL) - cơ quan quản lý nhà nước cấp trên ở Trung ương về lĩnh vực du lịch - tập trung một số nội dung sau:

1) Hoàn thiện và chuẩn hóa hệ thống quy định, hướng dẫn chuyên môn về du lịch làng nghề, bao gồm: tiêu chuẩn tối thiểu đối với điểm du lịch làng nghề/điểm trải nghiệm nghề; hướng dẫn tổ chức sản phẩm theo hướng “trải nghiệm hóa” gắn với bảo tồn văn hóa - nghề; quy trình quản lý chất lượng dịch vụ và cơ chế tiếp nhận, xử lý phản hồi của du khách.

2) Thiết kế cơ chế hỗ trợ theo chương trình mục tiêu theo hướng gắn đầu ra, ưu tiên các địa bàn có tiềm năng. Đầu ra tập trung vào: gói sản phẩm trải nghiệm mẫu; bộ nhận diện và nội dung số; mô hình vận hành điểm đến dựa vào cộng đồng; mô hình quản trị môi trường - chất thải; chương trình đào tạo ngắn hạn có đánh giá kết quả.

3) Tăng cường phối hợp liên ngành trong phát triển nguồn nhân lực và thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị; ban hành định hướng khuyến khích xã hội hóa đầu tư vào hạ tầng dịch vụ thiết yếu, chuyển đổi số và tiêu thụ sản phẩm làng nghề; và lồng ghép yêu cầu bảo vệ môi trường, sử dụng tài nguyên hợp lý trong phát triển du lịch làng nghề.

Đối với tỉnh Gia Lai và chính quyền địa phương

1) Xây dựng quy hoạch phát triển du lịch làng nghề theo hướng liên kết giữa các làng nghề với các điểm du lịch văn hóa, sinh thái và du lịch biển trong khu vực nhằm hình thành các tuyến du lịch có tính kết nối và khả năng khai thác ổn định.

2) Ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch tại các làng nghề, đặc biệt là giao thông kết nối, bãi đỗ xe, hệ thống biển chỉ dẫn, nhà vệ sinh công cộng, không gian trưng bày và khu vực trải nghiệm cho du khách.

3) Tăng cường hỗ trợ các làng nghề xây dựng và hoàn thiện sản phẩm du lịch gắn với giá trị văn hóa truyền thống, sản phẩm OCOP và hoạt động trải nghiệm nghề; đồng thời đẩy mạnh xúc tiến quảng bá và ứng dụng chuyển đổi số trong giới thiệu điểm đến làng nghề.

4) Có cơ chế hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực du lịch tại địa phương, nhất là kỹ năng hướng dẫn trải nghiệm, giao tiếp với du khách, quảng bá sản phẩm và tổ chức hoạt động du lịch cộng đồng.

5) Tăng cường liên kết giữa địa phương với doanh nghiệp lữ hành, cơ sở đào tạo và các chủ thể du lịch nhằm mở rộng khả năng kết nối tour tuyến và nâng cao hiệu quả khai thác du lịch làng nghề.

6) Chú trọng công tác quản lý môi trường tại các làng nghề, kiểm soát hoạt động khai thác du lịch phù hợp với sức chứa điểm đến và hạn chế xu hướng thương mại hóa làm ảnh hưởng đến giá trị văn hóa truyền thống.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN KẾT QUẢ LUẬN ÁN

1. Đặng Thành Thức, Đặng Bửu Kiếm, Nguyễn Thị Minh Hiền & Đinh Phạm Hiền (2024). Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách tham quan tại Làng nghề nón ngựa Phú Gia, tỉnh Bình Định. Tạp chí Kinh tế và Dự Báo. 10(5): 204-207.
2. Đặng Thành Thức, Nguyễn Thị Minh Hiền & Quyền Đình Hà (2024). Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định tham quan các làng nghề tại tỉnh Bình Định trên quan điểm của du khách nội địa. Tạp chí Kinh tế và Dự Báo. 11(6): 230-233.
3. Đặng Thành Thức, Nguyễn Thị Minh Hiền & Đinh Phạm Hiền (2024). Một số vấn đề lý luận cơ bản về phát triển du lịch làng nghề. Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam. 22(8): 1102-1112.
4. Đặng Thành Thức, Nguyễn Thị Minh Hiền, Quyền Đình Hà & Bùi Trọng Tiến Bảo (2024). Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định tham gia của cộng đồng địa phương trong phát triển du lịch làng nghề tại tỉnh Bình Định. Tạp chí Kinh tế và Dự Báo. 16(8): 238-241.
5. Đặng Thành Thức, Bùi Trọng Tiến Bảo, Quyền Đình Hà & Nguyễn Thị Minh Hiền, (2025). Các nhân tố chính ảnh hưởng đến phát triển du lịch làng nghề tại tỉnh Bình Định. Tạp chí Kinh tế và Dự Báo. Số đặc biệt (2): 501-504.